

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI
NGƯỜI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (ĐỢT 1 NĂM 2026)**

Ngành đào tạo: Giáo dục Mầm non

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTĐHN.... - Ký ngày của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Quỳnh Như	18/12/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	27.63	25.63	0.15	25.78
2	Nguyễn Khánh Linh	19/07/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	27.50	25.50	0.15	25.65
3	Lê Thị Trà My	29/01/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.73	24.73	0.35	25.08
4	Hách Thị Mai Linh	14/07/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	26.23	24.23	0.38	24.62
5	Hoàng Thị Yên Vi	11/11/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.30	24.30	0.19	24.49
6	Nguyễn Thị Khánh Vân	02/05/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.33	24.33	0.00	24.33
7	Nguyễn Phương Anh	17/09/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.97	23.97	0.20	24.17
8	Phạm Quỳnh Anh	24/08/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.90	23.90	0.20	24.10
9	Nguyễn Trà My	25/08/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.67	23.67	0.21	23.88
10	Hoàng Thu Hường	04/05/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.50	23.50	0.22	23.72
11	Nguyễn Khánh Linh	29/09/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.63	23.63	0.00	23.63
12	Đỗ Như Quỳnh	13/10/2005	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.40	23.41	0.22	23.63
13	Đặng Thị Thanh Tú	22/05/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.37	23.38	0.22	23.60
14	Trần Thúy Hằng	18/10/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.80	22.86	0.71	23.58
15	Lại Thị Phương Anh	25/10/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.50	23.50	0.00	23.50
16	Nguyễn Thị Phương Anh	03/02/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.93	22.98	0.47	23.45
17	Nguyễn Bảo Ngọc	12/09/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.10	23.14	0.23	23.37
18	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/07/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.00	23.05	0.23	23.28
19	Đỗ Thị Hương Giang	10/07/2005	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.93	22.98	0.23	23.22
20	Lê Thị Anh	14/01/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.90	22.95	0.23	23.19
21	Nguyễn Ngọc Diệp	29/02/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.87	22.92	0.24	23.16
22	Nguyễn Phương Hoài	14/06/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.63	22.71	0.24	22.96
23	Hà Thị Phụng	09/09/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.30	22.41	0.50	22.91
24	Nguyễn Diệu Thúy	11/08/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.23	22.35	0.50	22.85
25	Lê Thị Phương Hoa	10/04/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.43	22.53	0.25	22.78
26	Nguyễn Thị Uyên	29/03/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.70	22.77	0.00	22.77
27	Đặng Ngọc Hà	23/11/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.63	22.71	0.00	22.71
28	Đỗ Thị Hồng Anh	01/01/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.97	22.11	0.50	22.61
29	Trần Quỳnh Trang	26/12/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.50	22.59	0.00	22.59
30	Phùng Thị Hà Anh	23/01/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.20	22.32	0.25	22.57
31	Nguyễn Hà Trang	12/06/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.47	22.56	0.00	22.56
32	Phạm Hồng Trà	04/06/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.07	22.20	0.25	22.45
33	Đặng Quỳnh Trang	26/09/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.30	22.41	0.00	22.41
34	Nguyễn Thị Ánh Thu	07/09/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	22.00	22.00	0.25	22.25
35	Lê Thị Huyền Trang	30/01/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.53	21.71	0.50	22.21
36	Nguyễn Thùy Trang	18/03/2006	Văn, Toán, Địa	Học bạ	23.77	21.92	0.25	22.17
37	Nguyễn Trà My	20/08/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.00	22.14	0.00	22.14

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
38	Bùi Thị Ngọc Anh	26/08/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.93	22.08	0.00	22.08
39	Nguyễn Thị Khuyên	21/08/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.07	21.29	0.75	22.04
40	Nguyễn Thị Hồng	19/07/1995	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	23.60	21.77	0.25	22.02
41	Nguyễn Thị Lưu Ly	19/01/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	23.53	21.71	0.25	21.96
42	Lê Thị Đài Trang	10/01/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.37	21.56	0.25	21.81
43	Nguyễn Mai Trang	03/10/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	21.00	21.00	0.75	21.75
44	Đặng Sao Mai	14/01/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	23.57	21.74	0.00	21.74
45	Nguyễn Bình An	20/11/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	22.60	20.85	0.75	21.60
46	Nguyễn Hương Mai	28/11/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	23.03	21.26	0.25	21.51
47	Nguyễn Đặng Thùy Trang	29/10/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	22.90	21.14	0.25	21.39
48	Nguyễn Thị Giang	12/06/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	21.35	21.35	0.00	21.35
49	Nguyễn Hải Linh	11/07/2004	Văn, Toán, Địa	Học bạ	23.13	21.35	0.00	21.35
50	Nguyễn Thị Hằng	23/07/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	22.57	20.82	0.50	21.32
51	Nguyễn Hương Giang	10/06/2004	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.07	21.29	0.00	21.29
52	Đặng Quỳnh Anh	22/04/2008	Văn, Toán, địa	KQTN	21.25	21.25	0.00	21.25
53	Nguyễn Thùy Trang	10/03/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	21.00	21.00	0.25	21.25
54	Mai Thị Lan Anh	26/09/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	21.00	21.00	0.25	21.25
55	Cao Thị Phương Anh	19/09/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	20.75	20.75	0.25	21.00
56	Nguyễn Tuyết Mai	23/10/2006	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	22.73	20.98	0.00	20.98
57	Đặng Diệp Anh	14/09/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	21.97	20.22	0.75	20.97
58	Trương Thị Hương	29/06/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	22.17	20.42	0.50	20.92
59	Ngô Thị Thu Trang	18/02/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	22.17	20.42	0.50	20.92
60	Nguyễn Thị Lan Anh	28/09/2001	Văn, Toán, Sử	Học bạ	22.40	20.65	0.25	20.90
61	Trương Minh Thư	04/01/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	22.03	20.28	0.50	20.78
62	Nguyễn Thị Thu Phương	15/06/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	20.50	20.50	0.25	20.75
63	Lương Hà Phương	23/11/2008	Văn, Toán, Địa	KQTN	20.45	20.45	0.25	20.70
64	Nguyễn Hồng Nhung	08/04/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	22.00	20.25	0.25	20.50
65	Vũ Khánh Huyền	07/11/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	20.00	20.00	0.50	20.50
66	Trần Thị Hạnh	30/11/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	21.77	20.02	0.25	20.27
67	Nguyễn Bảo Ngân	28/08/2008	Văn, Toán, KTPL	KQTN	20.25	20.25	0.00	20.25

Ấn định danh sách có: 67 thí sinh

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI
NGƯỜI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (ĐỢT 1 NĂM 2026)**

Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTĐHN.... - Ký ngày của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Đào Vũ Cẩm Tú	24/01/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	29.73	29.20	0.03	29.23
2	Quách Nguyễn Thanh Hà	11/05/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	29.23	28.08	0.06	28.14
3	Vũ Hoàng Nhật Anh	12/06/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	28.87	27.50	0.00	27.50
4	Phạm Phương Thảo	10/02/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	27.83	25.88	0.27	26.16
5	Nguyễn Trí Hà Linh	20/03/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	27.60	25.60	0.15	25.75
6	Đặng Thị Thanh Thảo	29/06/2006	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.77	22.83	2.63	25.46
7	Nguyễn Bằng Phương Anh	15/08/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	27.30	25.30	0.16	25.46
8	Nguyễn Hà Linh	27/04/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	27.23	25.23	0.16	25.39
9	Nguyễn Trà My	26/03/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	27.20	25.20	0.16	25.36
10	Hồ Thị Thu Giang	14/08/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	26.87	24.87	0.34	25.21
11	Nguyễn Phương Anh	08/03/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.87	24.87	0.34	25.21
12	Nguyễn Thị Thanh Vân	12/03/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	27.17	25.17	0.00	25.17
13	Bùi Thanh Mai	26/10/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.77	22.83	2.15	24.98
14	Trần Uyển Như	22/12/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.80	24.80	0.17	24.97
15	Nguyễn Thị Phương Hà	11/05/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.77	24.77	0.17	24.94
16	Vũ Trần Ngọc Linh	07/10/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	24.75	24.75	0.18	24.93
17	Phan Minh Hằng	17/12/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	24.75	24.75	0.18	24.93
18	Lê Thanh Huyền	11/07/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	24.75	24.75	0.18	24.93
19	Đinh Yến Nhi	01/03/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.67	24.67	0.18	24.84
20	Đàm Thị Minh Thùy	12/11/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.47	24.47	0.37	24.84
21	Vũ Ngọc Hải	31/07/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	26.63	24.63	0.18	24.81
22	Đinh Thị Hà Trang	22/09/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.43	24.43	0.37	24.80
23	Ngô Thục Chân	16/11/2005	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	26.80	24.80	0.00	24.80
24	Phạm Hà Trâm Anh	26/07/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.77	24.77	0.00	24.77
25	Đào Minh Anh	10/03/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	24.75	24.75	0.00	24.75
26	Nguyễn Thị Bách Diệp	05/11/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.70	24.70	0.00	24.70
27	Nguyễn Hương Giang	05/07/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.43	24.43	0.19	24.62
28	Chu Thị Hà Anh	20/02/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	26.60	24.60	0.00	24.60
29	Nguyễn Đình Khánh Chi	20/08/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	26.60	24.60	0.00	24.60
30	Vũ Huyền Linh	24/09/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	26.40	24.40	0.19	24.59

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
31	Nguyễn Ngọc Diệp	18/05/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.40	24.40	0.19	24.59
32	Đinh Phương Anh	28/02/2004	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.53	24.53	0.00	24.53
33	Phạm Hồng Ánh	24/09/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.33	24.33	0.19	24.52
34	Nguyễn Yên Chi	30/12/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	24.50	24.50	0.00	24.50
35	Vũ Thị Yên Vi	19/02/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	26.30	24.30	0.19	24.49
36	Lê Phương Linh	17/10/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	26.47	24.47	0.00	24.47
37	Trịnh Mai Linh	19/01/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.17	24.17	0.19	24.36
38	Lê Ánh Ngọc	22/11/2004	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	26.13	24.13	0.20	24.33
39	Khuất Thị Vinh	06/12/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.13	24.13	0.20	24.33
40	Nguyễn Ngọc Trâm	07/04/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.13	24.13	0.20	24.33
41	Phan Mai Hương	22/02/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.30	24.30	0.00	24.30
42	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/01/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.10	24.10	0.20	24.30
43	Nguyễn Thị Hồng	10/08/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.87	23.87	0.41	24.28
44	Nguyễn Ngọc Hiền	29/12/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.27	24.27	0.00	24.27
45	Nguyễn Thu Hà	20/11/2003	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.23	24.23	0.00	24.23
46	Đỗ Thị Thanh Bình	15/08/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.03	24.03	0.20	24.23
47	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/05/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.03	24.03	0.20	24.23
48	Vũ Thị Lê	13/08/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.80	23.80	0.41	24.21
49	Nguyễn Khánh Ngọc	23/05/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	26.20	24.20	0.00	24.20
50	Nguyễn Gia Bảo Như	09/10/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.20	24.20	0.00	24.20
51	Dương Thu Hoài	14/05/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	26.00	24.00	0.20	24.20
52	Nguyễn Hà Kiều Anh	08/03/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	24.00	24.00	0.20	24.20
53	Cao Phương Linh	19/04/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.20	24.20	0.00	24.20
54	Nguyễn Trần Thanh Trúc	03/09/2006	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.97	23.97	0.20	24.17
55	Lưu Thị Anh Thư	08/10/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.97	23.97	0.20	24.17
56	Đinh Thị Thu Phương	14/11/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	23.75	23.75	0.42	24.17
57	Phan Thị Minh Trang	09/10/2004	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.90	23.90	0.20	24.10
58	Vũ Hoàn Nhi	22/12/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.43	23.44	0.66	24.10
59	Trịnh Thị Minh Anh	03/03/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.67	23.67	0.42	24.09
60	Nguyễn Diệu Hương	25/04/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.33	23.35	0.67	24.01
61	Lê Thị Bảo Khánh	10/09/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	24.00	24.00	0.00	24.00
62	Nguyễn Thị Tuyết	07/01/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.57	23.57	0.43	24.00
63	Nguyễn Minh Phương	17/06/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.77	23.77	0.21	23.97
64	Nguyễn Ngọc Lan	19/02/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	23.75	23.75	0.21	23.96
65	Nguyễn Thị Khánh Ly	15/12/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.73	23.73	0.21	23.94
66	Chu Thị Ngọc Mai	13/12/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.93	23.93	0.00	23.93

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
67	Lưu Thị Lan	14/12/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.67	23.67	0.21	23.88
68	Phạm Trà My	06/01/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.17	23.20	0.68	23.88
69	Cao Thùy Dương	21/02/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.63	23.63	0.21	23.85
70	Kiều Minh Tâm	21/07/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.63	23.63	0.21	23.85
71	Nguyễn Thanh Mai	24/08/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.77	23.77	0.00	23.77
72	Nguyễn Lan Chi	11/10/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	23.75	23.75	0.00	23.75
73	Nguyễn Phương Nhi	08/10/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	23.75	23.75	0.00	23.75
74	Nguyễn Thị Phương Anh	27/02/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.50	23.50	0.22	23.72
75	Nguyễn Lan Anh	28/11/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	23.50	23.50	0.22	23.72
76	Lê Phương Linh	02/12/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	23.00	23.00	0.70	23.70
77	Nguyễn Thị Thu Uyên	14/07/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.47	23.47	0.22	23.69
78	Trần Thị Lâm Anh	24/10/2003	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.20	23.23	0.45	23.68
79	Lê Huyền Trân	18/02/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.67	23.67	0.00	23.67
80	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	05/03/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.90	22.95	0.70	23.66
81	Đinh Thị Trà Giang	20/01/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.43	23.44	0.22	23.66
82	Trịnh Thảo Nguyên	27/11/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.43	23.44	0.22	23.66
83	Dương Huyền Diệu	18/10/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.43	23.44	0.22	23.66
84	Trần Hà Linh	25/06/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.63	23.63	0.00	23.63
85	Nguyễn Thị Hải An	01/02/2004	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.40	23.41	0.22	23.63
86	Nguyễn Diệu Linh	03/07/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.13	23.17	0.46	23.62
87	Lương Thảo My	10/10/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.37	23.38	0.22	23.60
88	Lê Thị Phương Ngân	29/01/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.37	23.38	0.22	23.60
89	Trần Hà Linh	30/06/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.37	23.38	0.22	23.60
90	Nguyễn Hồng Anh	04/06/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.33	23.35	0.22	23.57
91	Trần Mỹ Hoàng Dung	13/09/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.57	23.57	0.00	23.57
92	Nguyễn Minh Hiền	30/10/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.27	23.29	0.22	23.51
93	Nguyễn Mai Hương	09/01/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	23.25	23.25	0.23	23.48
94	Nguyễn Thị Lan	19/10/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	23.25	23.25	0.23	23.48
95	Nguyễn Huyền Trang	07/08/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	23.25	23.25	0.23	23.48
96	Nguyễn Tuấn Bảo	03/07/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	23.25	23.25	0.23	23.48
97	Khang Huyền Trang	03/03/2004	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.47	23.47	0.00	23.47
98	Dương Thị Ánh	16/08/1999	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.20	23.23	0.23	23.45
99	Nguyễn Khánh Linh	05/04/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.20	23.23	0.23	23.45
100	Lê Trần Minh Tâm	02/08/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.17	23.20	0.23	23.42
101	Trần Phương Thảo	22/08/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.17	23.20	0.23	23.42
102	Vũ Quỳnh Chi	09/07/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.40	23.41	0.00	23.41

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
103	Phạm Khánh Linh	21/01/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.40	23.41	0.00	23.41
104	Nguyễn Phương Linh	19/12/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.13	23.17	0.23	23.39
105	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	21/09/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.13	23.17	0.23	23.39
106	Lê Khánh Linh	17/09/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.13	23.17	0.23	23.39
107	Nguyễn Thị Thu Hoài	10/07/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.13	23.17	0.23	23.39
108	Phan Thị Thùy An	08/10/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.37	23.38	0.00	23.38
109	Vũ Lê Châu Anh	17/03/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.37	23.38	0.00	23.38
110	Nguyễn Thị Ngọc Hà	11/11/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.10	23.14	0.23	23.37
111	Nguyễn Phương Hiền	07/07/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.10	23.14	0.23	23.37
112	Lê Huyền Diệu	17/10/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.53	22.62	0.74	23.36
113	Nguyễn Thị Như Quỳnh	29/09/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.80	22.86	0.48	23.34
114	Đỗ Thu Huyền	07/02/2004	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.07	23.11	0.23	23.34
115	Cao Thanh Ngoan	11/01/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.27	23.29	0.00	23.29
116	Lê Hà Linh	10/10/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.00	23.05	0.23	23.28
117	Cao Huyền Trang	26/10/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.00	23.05	0.23	23.28
118	Phùng Lê Quân	22/10/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.23	23.26	0.00	23.26
119	Nguyễn Thanh Hoa	31/01/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	23.25	23.25	0.00	23.25
120	Nguyễn Khánh Ly	17/11/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.97	23.02	0.23	23.25
121	Hoàng Thu Trang	18/06/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.93	22.98	0.23	23.22
122	Dương Thị Hà Vi	18/10/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.93	22.98	0.23	23.22
123	Nguyễn Thu Nguyệt	21/08/2006	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.13	23.17	0.00	23.17
124	Nguyễn Ngọc Trà My	24/03/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.13	23.17	0.00	23.17
125	Dương Thanh Thảo	12/08/2004	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.87	22.92	0.24	23.16
126	Vũ Thị Tường Vi	17/09/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.83	22.89	0.24	23.13
127	Nguyễn Thị Phương Linh	20/01/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.83	22.89	0.24	23.13
128	Bạch Thu Ngọc	24/10/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	25.07	23.11	0.00	23.11
129	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/06/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.07	23.11	0.00	23.11
130	Nguyễn Kim Thái	23/03/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.03	23.08	0.00	23.08
131	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	20/10/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.00	23.05	0.00	23.05
132	Mai Thị Tân Hương	13/01/2002	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.73	22.80	0.24	23.04
133	Nguyễn Bảo Châu	28/06/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.73	22.80	0.24	23.04
134	Tạ Phương Thúy	15/10/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.70	22.77	0.24	23.01
135	Nguyễn Ngọc Thảo My	13/08/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.70	22.77	0.24	23.01
136	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/08/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.40	22.50	0.50	23.00
137	Phùng Thị Lan	05/03/2008	Văn, Toán, Địa	KQTN	22.50	22.50	0.50	23.00
138	Nguyễn Hoàng Phương Linh	10/07/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	23.00	23.00	0.00	23.00

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
139	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/10/2006	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.93	22.98	0.00	22.98
140	Bùi Thị Trang	29/09/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.33	22.44	0.50	22.94
141	Ngô Văn Anh	10/01/2004	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.60	22.68	0.24	22.93
142	Phan Thu Trang	06/06/2006	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.53	22.62	0.25	22.87
143	Nguyễn Thảo Quyên	08/10/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	22.60	22.60	0.25	22.85
144	Lưu Thu Phương	02/09/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.50	22.59	0.25	22.84
145	Công Phương Lâm	14/07/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.77	22.83	0.00	22.83
146	Trần Nguyễn Bình Nguyên	30/09/2006	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.77	22.83	0.00	22.83
147	Lê Phương Thảo	22/06/2005	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.77	22.83	0.00	22.83
148	Nguyễn Hải Đăng	10/10/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.20	22.32	0.50	22.82
149	Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2006	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.73	22.80	0.00	22.80
150	Nguyễn Hiền Mai	13/09/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.43	22.53	0.25	22.78
151	Nguyễn Thị Hải Yến	09/11/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.43	22.53	0.25	22.78
152	Hoàng Ngọc Thanh Phương	01/08/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.40	22.50	0.25	22.75
153	Lê Phạm Khánh Chi	11/08/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	22.50	22.50	0.25	22.75
154	Ngô Mai Hương	09/07/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.40	22.50	0.25	22.75
155	Vũ Thị Minh Thu	27/07/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	22.75	22.75	0.00	22.75
156	Nguyễn Hương Giang	04/01/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.40	22.50	0.25	22.75
157	Đới Yến Nhi	22/05/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.67	22.74	0.00	22.74
158	Nguyễn Kiều Hương Ly	10/07/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.37	22.47	0.25	22.72
159	Nguyễn Tú Quyên	06/06/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.37	22.47	0.25	22.72
160	Nguyễn Ngọc Anh	11/10/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.33	22.44	0.25	22.69
161	Nguyễn Quỳnh Phương	05/09/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.33	22.44	0.25	22.69
162	Nguyễn Gia Linh	31/08/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.33	22.44	0.25	22.69
163	Nguyễn Thị Khánh Ngân	07/10/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.33	22.44	0.25	22.69
164	Lê Trang Linh	14/11/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.53	22.62	0.00	22.62
165	Ngô Lan Chi	26/10/2004	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	23.97	22.11	0.50	22.61
166	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	16/12/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	22.60	22.60	0.00	22.60
167	Lê Dương Ngọc Kiều	15/04/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.23	22.35	0.25	22.60
168	Tạ Yến Nhi	10/08/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.20	22.32	0.25	22.57
169	Nguyễn Thu Phương	06/01/2003	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.17	22.29	0.25	22.54
170	Lê Thị Kim Oanh	19/12/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.17	22.29	0.25	22.54
171	Nguyễn Phương Mai	16/04/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	23.87	22.02	0.50	22.52
172	Nguyễn Thị Như Quỳnh	10/10/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.13	22.26	0.25	22.51
173	Lương Thu An	03/12/2004	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.13	22.26	0.25	22.51
174	Đinh Thị Phương Thắm	27/11/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.13	22.26	0.25	22.51

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Lê Hồng Ngọc	27/01/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.13	22.26	0.25	22.51
176	Đỗ Thùy Linh	16/12/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	22.25	22.25	0.25	22.50
177	Nguyễn Thanh Thảo	11/08/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	22.25	22.25	0.25	22.50
178	Nguyễn Thị Hương Ly	16/02/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	22.25	22.25	0.25	22.50
179	Nguyễn Thị Yến Trang	03/05/2006	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.10	22.23	0.25	22.48
180	Phạm Khánh Linh	30/09/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.37	22.47	0.00	22.47
181	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	27/12/2007	Văn, Toán, Địa	Học bạ	24.03	22.17	0.25	22.42
182	Nguyễn Việt My	15/05/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.03	22.17	0.25	22.42
183	Tạ Như Quỳnh	17/09/2007	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.00	22.14	0.25	22.39
184	Kiều Kim Duyên	23/11/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	23.93	22.08	0.25	22.33
185	Hà Phương Thảo	04/03/2003	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	23.90	22.05	0.25	22.30
186	Nguyễn Thị Ngọc Minh	02/04/2006	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	23.90	22.05	0.25	22.30
187	Đinh Nguyễn Thùy Linh	01/08/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	22.25	22.25	0.00	22.25
188	Vũ Yến Linh	16/06/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	24.10	22.23	0.00	22.23

Ấn định danh sách có: **188** thí sinh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI NGƯỜI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (ĐỢT 1 NĂM 2026)

Ngành đào tạo: Giáo dục thể chất

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-DHTĐHN.... - Ký ngày của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Nguyễn Mạnh Hùng	15/07/2007	Toán, KTPL, NK	Học bạ	25.13	23.17	2.51	25.67
2	Khúc Minh Hoàng	05/11/2007	Toán, KTPL, NK	Học bạ	26.40	24.40	0.19	24.59
3	Lê Minh Thắng	05/05/2008	Toán, Sinh, NK	Học bạ	25.80	23.80	0.21	24.01
4	Vũ Lê Duy	25/12/2008	Toán, KTPL, NK	Học bạ	25.07	23.11	0.69	23.80
5	Đinh Đỗ Đức Minh	16/07/2008	Toán, KTPL, NK	Học bạ	25.23	23.26	0.22	23.48
6	Nguyễn Đức Gia Thiên	24/08/2008	Toán, Văn, NK	KQTN	23.25	23.25	0.23	23.48
7	Đàm Tuấn Đạt	01/01/2008	Toán, Sinh, NK	Học bạ	25.10	23.14	0.00	23.14
8	Nguyễn Lê Bảo Khang	23/10/2008	Toán, Văn, NK	KQTN	23.00	23.00	0.00	23.00
9	Trần Hoàng Phúc	05/09/2008	Toán, KTPL, NK	Học bạ	24.42	22.52	0.25	22.76
10	Hoàng Minh Tú	20/09/2008	Toán, Văn, NK	KQTN	22.75	22.75	0.00	22.75
11	Nguyễn Tuấn Bảo	06/07/2008	Toán, Văn, NK	KQTN	21.75	21.75	0.25	22.00
12	Vì Quang Nghĩa	09/11/2008	Toán, KTPL, NK	Học bạ	23.32	21.52	0.00	21.52
13	Trần Văn An	19/09/2008	Toán, KTPL, NK	Học bạ	22.88	21.12	0.25	21.37
14	Nguyễn Văn Sinh	05/10/2008	Toán, Văn, NK	KQTN	20.60	20.60	0.50	21.10
15	Hoàng Bảo Huy	19/10/2008	Toán, Văn, NK	Học bạ	22.80	21.05	0.00	21.05
16	Nguyễn Ngọc Duy	05/10/2008	Toán, Văn, NK	KQTN	21.00	21.00	0.00	21.00
17	Vũ Trung Sơn	26/03/2008	Toán, Văn, NK	KQTN	20.75	20.75	0.25	21.00
18	Đỗ Đình An Khang	11/08/2008	Toán, Văn, NK	Học bạ	22.65	20.90	0.00	20.90
19	Phạm Thanh Tùng	28/05/2008	Toán, Sinh, NK	Học bạ	21.82	20.07	0.25	20.32
20	Trương Vỹ Phong	15/03/2008	Toán, Văn, NK	KQTN	20.25	20.25	0.00	20.25
21	Lê Văn Long	03/10/2003	Toán, Văn, NK	KQTN	19.25	19.25	0.50	19.75

Ấn định danh sách có: **21** thí sinh

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI
NGƯỜI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (ĐỢT 1 NĂM 2026)**

Ngành đào tạo: Sư phạm Ngữ văn

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTĐHN.... - Ký ngày của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Nguyễn Trần Bảo Châu	11/08/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	28.57	27.03	0.00	27.03
2	Từ Khánh Huyền	24/10/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	28.03	26.20	0.00	26.20
3	Phạm Nhật Vương	30/12/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	27.90	25.99	0.00	25.99
4	Lương Thị Mỹ Linh	06/10/2007	Văn, Sử, Địa	Học bạ	27.60	25.60	0.29	25.89
5	Vương Văn Hiếu	04/02/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	27.67	25.67	0.14	25.81
6	Hoàng Diệu Linh	01/11/2007	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	27.63	25.63	0.00	25.63
7	Trần Hoàng Khánh Ly	19/09/2008	Văn, Sử, Địa	KQTN	25.50	25.50	0.00	25.50
8	Đoàn Hà Linh	06/03/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	27.43	25.43	0.00	25.43
9	Bùi Thanh Thảo	22/02/2008	Văn, Sử, Địa	KQTN	24.85	24.85	0.52	25.37
10	Trần Phương Vi	04/01/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	27.27	25.27	0.00	25.27
11	Nguyễn Thanh Tâm	26/10/2008	Văn, Sử, Địa	KQTN	25.00	25.00	0.17	25.17
12	Phạm Gia Linh	11/10/2007	Văn, Sử, Địa	Học bạ	26.97	24.97	0.00	24.97
13	Nguyễn Đình Cường	06/08/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	26.90	24.90	0.00	24.90
14	Hoàng Khánh Ly	11/02/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	26.70	24.70	0.18	24.88
15	Lê Thị Yến	08/12/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	26.27	24.27	0.57	24.84
16	Nguyễn Hạ Băng	16/04/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	24.25	24.25	0.58	24.83
17	Nguyễn Hà Anh	25/04/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	26.73	24.73	0.00	24.73
18	Dương Hải Linh	17/08/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	26.53	24.53	0.00	24.53
19	Lưu Hữu Thiện Nhân	29/02/2008	Văn, Toán, Địa	Học bạ	26.33	24.33	0.19	24.52
20	Lê Nguyễn Mai Chi	18/10/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	26.43	24.43	0.00	24.43
21	Nguyễn Khánh Linh	12/01/2008	Văn, Toán, KTPL	Học bạ	26.43	24.43	0.00	24.43
22	Trần Hoàng Lâm	27/12/2007	Văn, Sử, Địa	KQTN	23.75	23.75	0.63	24.38
23	Nguyễn Thị Doan	14/02/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	26.13	24.13	0.20	24.33
24	Vũ Thị Khánh Ly	10/05/2008	Văn, Sử, Địa	KQTN	23.50	23.50	0.65	24.15
25	Mai Thị Như Quỳnh	22/10/2005	Văn, Toán, Địa	Học bạ	25.93	23.93	0.20	24.14
26	Trần Huyền Trang	01/04/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	25.93	23.93	0.20	24.14

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
27	Bùi Phương Thảo	06/05/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	25.83	23.83	0.21	24.04
28	Lê Hồng Nhung	24/08/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	25.90	23.90	0.00	23.90
29	Trần Bảo Ngọc	02/07/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	25.77	23.77	0.00	23.77
30	Lưu Mai Chi	27/05/2006	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.30	23.32	0.45	23.76
31	Phạm Thị Ngọc Anh	17/08/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.53	23.53	0.22	23.75
32	Nguyễn Thị Thu Trang	06/09/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	25.53	23.53	0.22	23.75
33	Nguyễn Minh Ngọc	07/11/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	25.57	23.57	0.00	23.57
34	Đào Lê Thùy Dương	01/03/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	25.30	23.32	0.00	23.32
35	Nguyễn Thị Phương Lam	01/05/2005	Văn, Sử, Địa	Học bạ	24.30	22.41	0.50	22.91
36	Nguyễn Hà Thảo	04/01/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	24.53	22.62	0.25	22.87
37	Lương Tuấn Khôi	16/07/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	24.80	22.86	0.00	22.86
38	Đào Hải Yến	28/01/2007	Văn, Toán, Sử	Học bạ	24.43	22.53	0.00	22.53
39	Chu Hải Anh	05/05/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	24.40	22.50	0.00	22.50
40	Nguyễn Ngọc Ninh	18/09/2008	Văn, Sử, Địa	KQTN	22.25	22.25	0.25	22.50
41	Vũ Quỳnh Như	19/02/2007	Văn, Sử, Địa	Học bạ	23.67	21.83	0.50	22.33
42	Đỗ Ánh Ngọc	17/04/2008	Văn, Sử, Địa	KQTN	21.50	21.50	0.75	22.25
43	Nguyễn Thị Vân Anh	16/11/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.90	22.05	0.00	22.05
44	Đỗ Thị Thanh Hoa	15/07/2008	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.30	21.50	0.50	22.00
45	Vũ Thanh Hào	08/01/2005	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	23.33	21.53	0.25	21.78
46	Nguyễn Thu Hiền	08/06/2006	Văn, Toán, Sử	Học bạ	23.30	21.50	0.25	21.75
47	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/06/2008	Văn, Toán, Sử	KQTN	21.25	21.25	0.25	21.50
48	Phạm Minh Khuê	27/03/2004	Văn, Sử, Địa	Học bạ	23.20	21.41	0.00	21.41
49	Nguyễn Lý Phong	26/01/2008	Văn, Sử, Địa	Học bạ	23.13	21.35	0.00	21.35
50	Lê Mỹ Anh	02/11/2007	Văn, Sử, Địa	Học bạ	22.87	21.11	0.00	21.11
51	Phạm Linh Đan	12/08/2007	Văn, Sử, Địa	KQTN	20.85	20.85	0.25	21.10
52	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/09/2004	Văn, Toán, Địa	Học bạ	22.10	20.35	0.75	21.10
53	Hoàng Thị Thanh	21/07/2008	Văn, Sử, Địa	KQTN	20.75	20.75	0.25	21.00
54	Lê Quỳnh Anh	09/01/2004	Văn, Toán, Sử	Học bạ	22.43	20.68	0.25	20.93
55	Phí Hà My	27/06/2004	Văn, Sử, Địa	Học bạ	22.47	20.72	0.00	20.72

Ấn định danh sách có: 55 thí sinh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI NGƯỜI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (ĐỢT 1 NĂM 2026)

Ngành đào tạo: Sư phạm Toán học

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-DHTĐHN.... - Ký ngày của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Nguyễn Lâm Hào	17/12/2008	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	28.80	27.40	0.09	27.49
2	Hồ Hà Phương	01/01/2007	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	28.70	27.24	0.00	27.24
3	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	23/02/2007	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	28.00	26.14	0.13	26.27
4	Trần Thục Linh	12/12/2006	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	27.80	25.83	0.00	25.83
5	Nguyễn Thị Thùy Dung	14/09/1987	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	27.50	25.50	0.15	25.65
6	Nguyễn Phương Nam	12/10/2008	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	27.47	25.47	0.15	25.62
7	Đỗ Thục Bảo Trâm	27/06/2008	Văn, Toán, Lý	Học bạ	27.60	25.60	0.00	25.60
8	Thái Thành Đạt	12/12/2008	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	27.40	25.40	0.15	25.55
9	Phạm Minh Hiếu	04/04/2008	Toán, Lý, Tiếng Anh	KQTN	25.25	25.25	0.16	25.41
10	Nguyễn Lan Hương	07/07/2003	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	27.23	25.23	0.16	25.39
11	Hoàng Bảo Linh	27/11/1997	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	26.70	24.70	0.53	25.23
12	Phạm Tuấn Kiệt	01/12/2008	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	27.17	25.17	0.00	25.17
13	Trương Thu Giang	16/11/2008	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	26.93	24.93	0.17	25.10
14	Trần Quỳnh Anh	29/12/2008	Văn, Toán, Lý	Học bạ	27.07	25.07	0.00	25.07
15	Nguyễn Minh Trang	23/12/2008	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	26.87	24.87	0.00	24.87
16	Nguyễn Hữu Vượng	17/11/2008	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	26.87	24.87	0.00	24.87
17	Nguyễn Minh Ngọc Như	21/08/2008	Văn, Toán, Lý	Học bạ	26.87	24.87	0.00	24.87
18	Nguyễn Lê Minh	17/07/2008	Toán, Lý, Hóa	KQTN	24.25	24.25	0.58	24.83
19	Nguyễn Thị Minh Anh	21/08/2002	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	26.63	24.63	0.18	24.81
20	Trương Bảo Linh	15/11/2007	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	26.70	24.70	0.00	24.70
21	Trần Thị Bích Loan	04/11/2008	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	26.07	24.07	0.40	24.46
22	Đặng Đức Mạnh	21/09/2001	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	26.40	24.40	0.00	24.40
23	Vũ Duy Hiếu	04/08/2008	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	25.70	23.70	0.63	24.33
24	Lê Quang Quyền	02/04/2008	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	26.03	24.03	0.20	24.23
25	Nguyễn Tuấn Tú	16/08/1998	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	26.17	24.17	0.00	24.17

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
26	Nguyễn Thị Uyển	25/10/2002	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	25.77	23.77	0.21	23.97
27	Lê Vi Điền	17/03/2008	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	25.77	23.77	0.21	23.97
28	Trần Thị Hào	10/02/1995	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	25.93	23.93	0.00	23.93
29	Đào Phi Trường	03/09/2004	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	25.63	23.63	0.21	23.85
30	Lê Đỗ Trung Hiếu	21/04/2008	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	25.83	23.83	0.00	23.83
31	Trần Trường Đức	15/08/2004	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	25.77	23.77	0.00	23.77
32	Hà Thu Thủy	06/06/2002	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	25.53	23.53	0.22	23.75
33	Trương Thị Ngọc Quý	14/02/2008	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	25.27	23.29	0.22	23.51
34	Hứa Bùi Ngọc Hiếu	12/12/2008	Văn, Toán, Lý	KQTN	20.75	20.75	2.75	23.50
35	Vũ Thùy Dương	20/02/2008	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	24.70	22.77	0.72	23.50
36	Lê Nguyễn Minh Anh	03/02/2006	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	25.43	23.44	0.00	23.44
37	Đặng Mỹ Giang	09/02/2003	Văn, Toán, Lý	Học bạ	25.40	23.41	0.00	23.41
38	Đặng Đình Sơn	05/05/1999	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	24.97	23.02	0.23	23.25
39	Nguyễn Thái Tuấn	26/02/2008	Văn, Toán, Lý	Học bạ	24.37	22.47	0.75	23.22
40	Nguyễn Hoàng Việt Anh	06/12/2006	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	24.87	22.92	0.24	23.16
41	Nguyễn Phương Anh	12/10/2003	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	24.67	22.74	0.24	22.98
42	Nguyễn Thu Hiền	24/08/1991	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	24.83	22.89	0.00	22.89
43	Đào Ngọc Tiến Minh	23/12/2007	Văn, Toán, Lý	Học bạ	24.53	22.62	0.25	22.87
44	Trần Diệu Thúy	26/08/2002	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	24.80	22.86	0.00	22.86
45	Nguyễn Mạnh Long	11/09/2002	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	24.53	22.62	0.00	22.62
46	Đặng Thị Thùy Linh	20/05/1999	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	24.00	22.14	0.25	22.39
47	Nguyễn Kiều Bảo Ngọc	24/12/2003	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	23.90	22.05	0.25	22.30
48	Nguyễn Gia Bảo	26/12/2008	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	23.87	22.02	0.25	22.27
49	Nguyễn Vũ Nguyên	28/05/2007	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	23.87	22.02	0.25	22.27
50	Nguyễn Minh Thư	01/02/2008	Văn, Toán, Lý	Học bạ	24.10	22.23	0.00	22.23
51	Nguyễn Minh Quý	23/08/2003	Toán, Lý, Tiếng Anh	Học bạ	23.50	21.68	0.25	21.93
52	Phí Phương Anh	10/12/2008	Văn, Toán, Lý	KQTN	21.75	21.75	0.00	21.75
53	Nguyễn Gia Trung	12/02/2008	Toán, Lý, Hóa	Học bạ	22.63	20.88	0.50	21.38
54	Lê Thị Thùy	10/10/2005	Văn, Toán, Lý	Học bạ	22.73	20.98	0.25	21.23

Ấn định danh sách có: **54** thí sinh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYỀN ĐỐI VỚI NGƯỜI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (ĐỢT 1 NĂM 2026)

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTĐHN.... - Ký ngày của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Phạm Thị Nguyệt Minh	01/06/2008	Văn, Sử, Tiếng Anh	Học bạ	27.00	25.00	0.00	25.00
2	Nguyễn Vũ Bảo Linh	31/12/2007	Văn, Sử, Tiếng Anh	Học bạ	26.63	24.63	0.36	24.99
3	Nguyễn Thị Ngọc Tú	31/08/2008	Văn, Địa, Tiếng Anh	Học bạ	26.50	24.50	0.00	24.50
4	Vũ Thùy Linh	27/10/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	25.17	23.20	0.23	23.42
5	Lê Phương Thảo	20/11/2007	Văn, KTPL, Tiếng Anh	Học bạ	25.00	23.05	0.23	23.28
6	Hoàng Bích Thủy	29/03/2008	Văn, KTPL, Tiếng Anh	Học bạ	25.00	23.05	0.23	23.28
7	Phan Thùy Linh	07/08/2008	Văn, Sử, Tiếng Anh	Học bạ	24.67	22.74	0.48	23.23
8	Nguyễn Trà My	23/10/2001	Văn, Sử, Tiếng Anh	Học bạ	24.93	22.98	0.00	22.98
9	Trần Phương Vy	30/05/2008	Văn, Sử, Tiếng Anh	Học bạ	24.87	22.92	0.00	22.92
10	Nguyễn Hồng Phương Anh	12/11/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.73	22.80	0.00	22.80
11	Lê Thu Trang	27/11/2008	Văn, Sử, Tiếng Anh	Học bạ	24.60	22.68	0.00	22.68
12	Phan Quỳnh Anh	26/11/2008	Văn, Địa, Tiếng Anh	Học bạ	23.43	21.62	0.50	22.12
13	Phương Ngọc Anh	16/04/2008	Văn, KTPL, Tiếng Anh	Học bạ	23.83	21.98	0.00	21.98
14	Nguyễn Thùy Dung	11/07/2000	Văn, KTPL, Tiếng Anh	Học bạ	23.53	21.71	0.00	21.71
15	Nguyễn Thu Hải Phương	24/12/2006	Văn, Sử, Tiếng Anh	Học bạ	23.23	21.44	0.00	21.44
16	Trần Thị Hà Linh	30/01/2005	Văn, Địa, Tiếng Anh	Học bạ	22.20	20.45	0.75	21.20
17	Đào Thị Thanh Loan	01/11/1995	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	18.47	16.85	0.00	16.85

Ấn định danh sách có: 17 thí sinh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI
NGƯỜI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (ĐỢT 1 NĂM 2026)

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTĐHN.... - Ký ngày của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Nguyễn Hà Phương	18/01/2008	Văn, Toán, Lý	Học bạ	23.03	21.26	0.00	21.26
2	Nguyễn Duy Hưng	13/10/2000	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	22.37	20.62	0.25	20.87
3	Đặng Hương Giang	03/12/2005	Toán, Lý, Sinh	Học bạ	21.67	19.92	0.00	19.92

Ấn định danh sách có: 03 thí sinh

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYỀN ĐỐI VỚI NGƯỜI TỐT NGHIỆP THPT VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG (ĐỢT 1 NĂM 2026)

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHTĐHN.... - Ký ngày của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Tổng điểm 3 môn	Tổng điểm (quy đổi)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Lê Thúy Hiền	20/02/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	27.27	25.27	0.16	25.42
2	Vũ Ngọc Bích	24/04/2008	Văn, Địa, Tiếng Anh	KQTN	25.00	25.00	0.17	25.17
3	Nguyễn Trần Khánh Ly	05/10/2008	Văn, Sử, Tiếng Anh	Học bạ	25.57	23.57	0.00	23.57
4	Hoàng Ngọc Linh	30/09/2008	Văn, Địa, Tiếng Anh	Học bạ	25.27	23.29	0.22	23.51
5	Nguyễn Thanh Hằng	02/12/2006	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	24.87	22.92	0.24	23.16
6	Nguyễn Vân Anh	06/09/2008	Văn, Địa, Tiếng Anh	Học bạ	21.40	19.65	2.75	22.40
7	Hà Thị Hằng	01/11/1986	Văn, Địa, Tiếng Anh	Học bạ	21.27	19.52	2.75	22.27
8	Trần Tố Uyên	15/10/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	KQTN	21.75	21.75	0.00	21.75
9	Quàng Thị Quy	23/01/2008	Văn, Địa, Tiếng Anh	Học bạ	20.43	18.70	2.75	21.45
10	Nguyễn Ngọc Châm Anh	18/07/2008	Văn, Toán, Tiếng Anh	Học bạ	20.87	19.12	0.25	19.37
11	Lê Phương Anh	15/11/2008	Văn, Sử, Tiếng Anh	KQTN	17.00	17.00	0.25	17.25

Ấn định danh sách có: **11** thí sinh